

BÀNG BÁ LÂN

BÀNG BÁ LÂN sinh năm 1912 tại Phú-lạng-thương (Bắc phần), nhưng chính quán của ông làng Đôn-thư, huyện Bình-lục, tỉnh Hà-nam (Bắc-phần).

Ông từng cộng tác với nhiều nhật báo, tuần san, bán nguyệt san tại Hà-nội và Sài-gòn như các báo : Dân bà năm 1939, báo Hạnh phúc, Tia-sáng và Văn nghệ năm 1955. Năm 1959, ông viết trên bán nguyệt san Tân phong trong mục thơ, sau đó là bán nguyệt san Phổ thông của nhà thơ Nguyễn Vỹ trong mục Những áng thơ hay.

Ngoài việc sáng tác thơ, hiện nay ông còn là một giáo sư Việt-văn tên tuổi tại nhiều trường trung học ở Thủ-đô.

Thi sĩ Bằng bá Lân là một nhà thơ đồng quê nổi tiếng, thường ghi lại những nếp sinh hoạt của người dân miền thôn dã. Một buổi chiều mùa hạ, cảnh hoàng hôn vào độ cuối thu,

một miền đất Cà-mau trù phú, một đê đò Hà-nội mến yêu v.v... là đề tài chính của thi sĩ nên được giới yêu thơ tặng cho danh hiệu « nhà thơ của đồng áng » ; thiết tưởng không có gì quá đáng.

Các tác phẩm của ông được chào đời trước và sau đệ nhị thế chiến như sau :

— Tiếng thông reo, xuất bản năm 1934 Thanh-hóa từng-thư ấn hành tại Hà-nội.

— Xưa, hợp soạn cùng nữ sĩ Anh-Thơ, Sông Thương xuất bản tại Hà-nội năm 1941.

— Tiếng sáo diều, xuất bản năm 1939-1945.

— Thơ Bằng bá Lân, do nhà xuất bản Nguyễn hiến Lê ấn hành năm 1957 tại Sài-gòn.

— Tiếng vông đưa, cũng do nhà xuất bản Nguyễn hiến Lê ấn hành năm 1957 tại Sài-gòn.

Ngoài ra, ông còn cho xuất-bản hai quyển sách Kỷ niệm văn, thi sĩ hiện đại. Nội dung tập sách này viết theo thể ký ức, ghi lại những kỷ niệm của ông cùng các văn nghệ sĩ.

Gần đây, ông cho in một số sách giáo khoa Việt-văn cho các lớp đệ Thất, Lục, Ngũ, Tứ viết theo thể giảng văn. Từ đó đến nay, người ta không thấy tác phẩm nào thêm nữa có lẽ thi-sĩ không còn rỗi rãi như trước cũng nên.



CHÚNG tôi sắp giới thiệu với quý bạn một tiếng thơ xuất sắc nhất trong khuynh hướng đồng quê : Bằng bá Lân. Lẽ dĩ nhiên, chúng tôi sẽ có đôi lời khen ngợi, không phải vì khách sáo mà vì chân giá trị của người thơ.

Đọc thơ đồng quê của Bằng bá Lân mà quý bạn dễ cảm quan rung động theo như nhịp điệu của những vần thơ trữ tình, ắt quý bạn sẽ cho chúng tôi là công kênh thái quá. Nhưng làm sao bây giờ ? Chúng tôi không thể phủ nhận

những nét nhìn quá tế nhị và quá sống trong những câu thơ tả cái tịch mịch của buổi trưa hè. Hãy đọc :

Trong nhà lá tối tăm lặng lẽ

Tiếng ngáy đều nhẹ nhẹ bay ra

Vông đay chậm chạp khẽ đưa

Ru hai bà cháu say sưa mộng dài...

Cháu bỗng cựa, rầy hoài khóc đói,

Tỉnh giấc mơ, bà vội hát lên :

« A ời... » mấy tiếng. Rồi im.

Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng.

Ruồi bay thong thả nhẹ nhàng

Muỗi vo ve khóc bên màn thiết tha.

Trong cái lặng lẽ chìm ngập. Bằng bá Lân đã cho gọn lên đôi chao động : từ tiếng rầy khóc của cháu bé, bà vội « a ời » đôi tiếng rồi im bặt. Ruồi muỗi là sinh vật nhỏ bé gây được tiếng động là bao đối với cái không gian to rộng, thế mà chúng cũng thật trọng nhẹ nhàng bay, hoặc chỉ vo ve khóc thầm như tôn trọng cái tịch mịch của buổi trưa hè. Ta thấy chỉ con nhện là giữ được tỉnh thần tuyệt đối vì chính nó cũng đang mơ màng say sưa giữa cảnh êm ả vắng lặng.

Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng.

Bài *Vườn cũ* nào đâu, cô hái dâu cho ta thấy cảnh đời biến đổi sau khi tác giả chỉ đôi năm xa vắng làng xưa nay thần thờ về chốn quê, ngạc nhiên trước nếp sống cũ bị hủy tan, len lỏi đâu đây những nét xa lạ của sinh hoạt mới; cả tiếng chuông cũng kêu khác hẳn xưa. Với một câu hỏi nhuốm màu triết lý về nhân sinh và vũ trụ quan :

— Hỡi cô yếm thắm hái dâu ơi !

Người cũ này đây, sắc cũ phai !

Tuổi trẻ đã qua, xuân đã hết,

Người xưa, thôi ! đã khác xưa rồi !

Tôi mãi đọc tập thơ *Bàng bá Lân*, từng trang rồi từng trang, tôi thấy đâu đâu cũng phảng phất một ít hồn dân tộc, đã khiến tâm hồn tôi lắng đọng, thanh thản như vừa được gột rửa cát bụi của vật chất phồn hoa khi hồi đầu về đồng nội.

Dẫn mình vào thế giới *Thơ Bàng bá Lân* tôi cảm giác như thâm nhập được kho tàng tập tục cổ truyền của dân tộc, cái nếp sống, nghìn đời của dân quê. Mỗi bài thơ là một hình ảnh gợi lại cho ta niềm băng khuâng tưởng nhớ cái giản dị, mộc mạc, chất phác của người quê; họ lam lũ, quần quật trên ruộng lúa bờ dâu; bản chất thuần túy của họ chưa bị hình thức sinh hoạt mới biến đổi.

Đó là cái nét độc đáo của *Bàng bá Lân*, và cũng chỉ *Bàng bá Lân* mới đi sâu vào tâm hồn, vào cuộc sống cổ truyền của dân tộc. Cho nên ta không lạ gì những lời phê bình của văn thi sĩ đương thời khi tập thơ đầu *Tiếng thông reo* của *Bàng bá Lân* xuất hiện. Thế-Lữ đã có những lời sau đây :

« Tác giả thực có tâm hồn thơ. Ông biết nhìn những cảnh thường có ở trước mắt mọi người, nhưng chỉ có người làm thơ là chú ý tới. Ông biết ghi những nét ánh trắng lóng lánh trong nước chày thau rửa mặt, biết thấy cái buồn ngao ngán tịch mịch của lớp nhà tranh bên khóm chuối, bên rặng cau lúc trưa hè. Ông tìm vẽ những cảnh êm đềm: bà dừng kim khâu, cháu thôi nghịch đến bên bà, con mèo vờn cuộn chỉ, con vện nằm ngoài hiên...

... Ông thấy lòng rung động khi nghe tiếng ve mùa hạ kêu gào, làm rung rinh ánh nắng gầy gắt, làm thờ dài làn gió trong cảnh sầu默默 rêu...

... Lời thơ tha thiết, êm ái và thành thực, dầu tôi chẳng phải là thi sĩ (1) mà cũng thấy lòng rung động một cách nhẹ nhàng...

Le-Ta

(Phong hóa, 25-2-1935)

(1) Thi sĩ nói đùa, chứ ai không biết Le-Ta là thi sĩ Thế-Lữ.

Thêm nữa :

« Tiếng thông reo đem một mối sầu băng khuâng, kín đáo, dịu dàng, một vẻ buồn lành mạnh và điềm đạm.

Nàng Thơ của *Bàng bá Lân* không phải — như ta rập khuôn — người ông yêu dấu mà là cánh đồng quê với lũy tre xanh.

Bàng bá Lân có thể tự hào là nhà thơ Việt-nam thứ nhất biết hưởng thú quê...

Tóm lại, *Tiếng thông reo* là một tập thơ hay, có nhiều hình ảnh thiệt đẹp... »

Nguyễn Nhược Pháp
(*Annam nouveau*, 11-4-1935)

Đâu đã hết :

« Đồng quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng...

Thơ Bàng bá Lân và *Bức tranh quê* (1) đều là những bông hoa khả ái từ xa mới đưa về, nhưng bông hoa *Bàng bá Lân* ra chiều đã thuộc thủy thổ hơn. Cho nên sắc hương nó cũng khác.

..., tả cảnh trưa hè trong một gian nhà tranh tịch mịch, người viết :

Bụi năm lâu chán xa nhà

Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu.

Mười bốn chữ, chữ nào cũng mang nặng một chút hồn !
Thiệt tưởng người ta không thể đi sâu vào cảnh vật xứ quê hơn nữa... »

Hoài-Thành và Hoài-Chân
(*Thi nhân Việt-nam*)



1) *Thi phẩm* của Anh-Thơ do Đời Nay xuất bản.

BÀNG BÁ LÂN chính thức đóng góp vào nền văn học nước nhà bằng tác phẩm *Tiếng thông reo*, xuất bản 1934.

Bàng bá Lân là một nhà thơ đồng quê. Nếu về phái nữ có Anh-Thơ là một cây bút đại diện cho lối thơ trên thì Bàng bá Lân là một nhà thơ nam giới lối lạc về lối thơ tả tình và tả cảnh đồng quê độc đáo.

Thật thế, từ khi phong trào thơ mới thịnh hành cho đến khi đại chiến thứ hai bùng nổ trên mảnh đất này, trong phạm vi thi ca đất nước, chưa có một thi nhân nào làm thơ về phong tục, đồng quê và tả cảnh xuất sắc như Bàng bá Lân.

Bàng bá Lân là một thi nhân tiên phong mở đầu cho lối thơ đồng quê, sau Bàng bá Lân, Đoàn văn Cừ đã nối tiếp lối thơ ấy qua thi-phẩm *Ngày nay* nhưng nhà thơ họ Đoàn vẫn không hơn được những nét đặc sắc của Bàng bá Lân.

Bàng bá Lân đi vào thế-giới của hồn quê bằng giọng thơ ngọt ngào, êm dịu và ý thơ thật hàm súc. Các thi phẩm của nhà thơ đất Bắc-giang như *Tiếng thông reo*, *Xưa*, *Tiếng sáo diều*, *Thơ Bàng bá Lân*, *Tiếng vông đưa* đã xác nhận tài nghệ của họ Bàng trong lãnh vực thi ca đồng quê và phong tục một cách vững chắc. Họ Bàng làm thơ theo đúng cảm nghĩ của mình mà không gọt giũa từng chữ, từng câu như Vũ hoàng Chương, cũng không dùng điển tích câu kỳ như Quách Tấn, lời thơ của họ Bàng thật hiền lành — một bản tính của người dân nông thôn — chất phác, nhẹ nhàng nhưng không vì đó mà khiến cho thơ của họ Bàng bị lạt lẽo. Trái lại, Bàng bá Lân đã tạo cho thơ mình một âm thanh, một suy tưởng riêng biệt. Thơ của Bàng bá Lân là một lối thơ cổ được thay đổi theo âm điệu để thành thơ mới. Tư tưởng của Bàng bá Lân không lãng mạn; dù là tả tình cũng vẫn giữ được nét kín đáo — một bản tính của người phương Đông. Có đôi lúc, đọc thơ của Bàng bá Lân ta cứ tưởng như đọc lại những vần thơ của một thi nhân nào thời xưa cũ.

Như trên vừa nói, Bàng bá Lân không chủ trương tán dương tình yêu nồng cháy, dồn dập, cho nên, cũng như Anh-

Thơ, tác giả *Tiếng vông đưa* không được những người trẻ ưa thích, tên tuổi của ông vì thế ít được giới phê bình văn học nhắc nhở. Tuy nhiên, dù sao chúng ta cũng phải nhận rằng Bàng bá Lân vẫn là một thi nhân giàu khả-năng và thiên chi đối với nền thi ca dân tộc.

Trong lời tựa của tập thơ *Tiếng vông đưa*, ông Lê văn Siêu đã viết về Bàng bá Lân như sau:

« Giữa sự tràn ngập của văn minh cơ khí vào xã hội ta, giữa những đèn pha xe hơi như đôi mắt của những con vật lạnh lùng nhào tới đề như muốn nghiền nát ta ra, giữa những tiếng máy chạy đều đều của một thành phố kỹ nghệ, ta vẫn còn trông thấy hình bóng người mẹ Việt-nam bỗng con nằm trên vông, và ta vẫn còn nghe văng vẳng tiếng vông ấy kéo kẹt để làm nhịp cho tiếng hát ru.

Cái cò mà đi ăn đêm,

Đậu phải cành mềm lộn cò xuống ao

.

« Tiếng vông đưa kéo kẹt ấy, vẫn là tiếng ngôn dãi của năm ngàn năm lịch sử trong lòng người con dân đất Việt.

« Tiếng vông đưa ấy của Bàng bá Lân, ngày hôm nay lại vang lên giữa cái rầm rầm của máy móc, cái ồn ào của chợ búa và giữa cái xôn xao của lòng người đương bị dao động bởi mọi luồng sóng văn minh trên thế giới.

« Bàng bá Lân, giữa cơn mưa gió bão bùng, đã đưa cánh tay khẳng khiu ra chống đỡ cây cột nhà đương bị lung lay bởi bao những hơi thơ xa lạ.

« Anh không bi hiem, không siêu nhiên, không lập dị, không bảo thủ, không xu thời, không hiện thực, không tả chân, không tượng trưng... anh chỉ thân nhiên, nhẹ nhàng, nhũn nhặn trong dòng ruộng ngoài cái chộn rộn của đương thời. »

Thật vậy, Bàng bá Lân là nhà thơ có nhiệt tình với dân tộc. Ba chữ *Tiếng vông đưa* đề tựa cho tập thơ của thi nhân đã cho ta hình dung một trẻ thơ nằm trên chiếc vông đang tìm một giấc ngủ yên lành nơi miền thôn dã. Thi nhân

đã gọi cho ta một rung động mãnh liệt khi tưởng nghĩ đến cái đơn vị căn bản của dân tộc từ lúc phối thai.

Có lẽ không ai đã một lần không thấy :

Nắng lửa rung rinh,
Xóm tre lặng lẽ.
Tiếng vông nhà ai ru trẻ
Nặng nề chậm chạp đóng đưa.

.

Ta say sưa
Nghe tiếng vông đưa
Ru hồn mơ
Trong lời thơ
Dân tộc
Mơ màng lắng nghe tiếng khóc
Của thời mặng sửa xa xôi.

Hương thơ của Bàng bá Lân nhấm vào nông thôn, tư tưởng của thi nhân bắt nguồn từ dân tộc. Từ hình ảnh của một buổi chợ chiều Đông tiều diều, một tiếng chuông chùa xa xa ngân lên như khóc một ngày tàn, đến những buổi đầu xuân êm ả hay bất chợt bất gặp :

Chiều quê trong lúa xanh non,

Vẫn cô yếm thắm xinh tròn ngày thơ...

Những hình ảnh đẹp ngàn đời ấy đã kết hợp thành tiếng thơ của thi sĩ họ Bàng.

Nếu một Chế Lan-Viên mang nặng nỗi sầu vong quốc, người chỉ thích mùa thu :

Ó hay, tôi lại nhớ thu rồi...
Mùa thu rớm máu rơi từng chút
Trong lá bàng thu ngập đỏ trời.
Đường về thu trước xa lắm lắm
Mà kẻ đi về chỉ một tôi.

(Điêu tàn — Chế Lan-Viên)

Và ghét mùa xuân :

Tôi có chờ đâu, có đợi đâu !
Đem chi Xuân lại gọi thêm sầu ?
— Với tôi tất cả như vô nghĩa
Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau.

(Điêu tàn — Chế Lan-Viên)

thì trái lại Bàng bá Lân yêu cả bốn mùa :

Ta yêu mưa bốn mùa,
Nghe nhạc trùng rên rĩ.
Giun khóc chân tường, để than dưới cỏ.
Nhạc sầu dâng buồn bã suốt năm canh.
Ta thích, đêm mưa, nằm sát cửa sau màn
Nghe gió rít từng hồi qua khe hở,
Nghe gió đập tầu tiêu, mưa nước nờ...
Nghe hồn mưa than thở với hồn ta !

Thậm chí mùa Đông của người cũng yêu :

Ta yêu mưa Đông
Mưa phùn cam lặng.
Mưa xóa mờ rặng cây trên đường vắng,
Mưa đem trời nặng nặng xuống gần ta.

Có lẽ các bạn cũng tự hỏi : Tình yêu gì mà lắm thế ? Xin thưa : — Với một tâm hồn mang nặng tình quê ; cảnh trí bốn mùa tuy có đơn sơ, đạm bạc nhưng nó mãi diễn biến trên đất mẹ.

Tình yêu quê của Bàng bá Lân bàng bạc nơi nơi trong đồng nội. Từ những đàn cò trắng bay trong ráng chiều, cây đa tròn xoe tán bên cạnh mái đình, cho đến những tiếng sáo diều vi vu, những câu hò của miền thôn dã, hay nụ cười hồn nhiên của cô thôn nữ v.v... Tất cả hình ảnh êm đềm, đẹp đẽ của quê hương được thi nhân ghi lại trong bài Quê tôi sau đây :

Quê tôi

Quê tôi có lúa, có dâu,
 Có đàn cò trắng, có câu huê tình.
 Có cây đa, có mái đình,
 Có bầu thôn nữ xinh xinh dịu dàng.
 Mùa thu có những hội làng.
 Có cây đu buổi xuân sang dập dề.
 Gió vi vu tiếng sáo diều,
 Ru hồn mục tử chiều chiều trên dề.
 Chợ làng có lắm quà quê;
 Bánh đa, bánh dúc, bánh kê, bánh dầy...
 Dầu thôn có túp quán gầy:
 Tình quê như bát nước dầy chè tươi.
 Ngõ tre khúc khúc gió cười.
 Vườn quê thơm mát hương nhài hương cau.
 Tháng tư chanh cốm gọi đầu.
 Hương sen ngát cả vườn rau ao bèo.
 Tháng hai hoa bưởi rơi nhiều
 Ong ong, bướm bướm dập dề tìm hoa.
 Khum khum giàn mướp ao nhà,
 Cò tre lũ trẻ vui đùa tập bơi.
 Tiếng gà trưa lắng chơi vơi,
 Tiếng chim cu gáy: Buồn ôi là buồn!
 Ngày ngâu gió kếp mưa đơn
 Mái tranh rỏ những lệ buồn vu vơ.
 Đêm dài, nhịp tiếng võng đưa
 Lời ru ời ời ngàn xưa vọng về...

Nhớ nhung, sầu mắc lê thê,
 Xa xôi, nghe dậy hồn quê nào nùng!

(Miền Nam, tháng tám 1957)

Bằng những vần điệu nhẹ nhàng, không gò bó, Bằng bá Lân có cái nhìn thấu suốt cảnh quê, chỉ trong 28 câu thơ, thi nhân đã cô đọng được toàn cảnh thanh bình của dân quê, rồi gói vào đấy một ít hồn của mình. Cho nên ta thường thấy trong mỗi bài thơ của Bằng bá Lân đều có mang tính chất nội tâm và ngoại cảnh.

Sở dĩ Bằng bá Lân có khắc Anh-Thơ, là ở chỗ đó và cái hay của Bằng bá Lân cũng ở đó.

Không phải chỉ riêng một bài thơ nào người ta mới thấy cái khởi sắc của Bằng bá Lân, trái lại, thi sĩ họ Bằng đã chứng tỏ tài nghệ của mình trong nhiều bài thơ, hay có thể nói bằng cả sự nghiệp văn chương của chính mình cũng thế; trong mấy tập thơ của thi sĩ Bằng bá Lân cho ra mắt, người đọc ít thấy nhiều bài dưới mức trung bình.

Có thể nói, Bằng bá Lân có khả năng sáng tác thơ rất đều tay. Tuy nhiên, cái hay, cái dở còn tùy theo người đọc, nếu thấy thích thì cho là hay, ngược lại, là dở. Còn sự thật đối với những ai có một nhận định tinh tế và khách quan về thi ca dân tộc, phải nhận rằng Bằng bá Lân là một nhà thơ có chân tài, nhất là trong loại thơ tả cảnh và sinh hoạt đồng quê.

Để chứng minh cho nhận định vừa nêu, chúng tôi xin trích dẫn ra đây một ít văn thơ khác của ông thuộc loại đồng quê để làm điển hình về thực tài của tác giả *Tiếng võng đưa*.

Ta hãy nghe thi nhân kể câu chuyện của đôi lứa xảy ra:

Hẹn nhau bên bờ giếng
 Chờ nhau lúc rạng trăng.

 Nhìn nhau mà chẳng nói.
 Bốn mắt đọng trắng rằm.

rồi lại hẹn nhau nữa. Nhưng có một đêm nàng không đến, nghe nói nàng đã đi theo một người đội khăn đen nào đó

ở làng khác, khiến chàng đến nơi hẹn hò, buồn đăm đăm nhìn vào khoảng không, tự hỏi:

Ai cúi mình trên giếng ?
 Ai thả gầu múc trăng ?
 Ai cười yêu nửa miệng ?
 Tan rồi mộng gối chăn !

 Giếng trăng, nơi hò hẹn
 Giếng trăng, nơi hẹn hò
 Từ xa xưa đến bây giờ
 Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan !

Bàng bá Lân là nhà thơ nhiều tình cảm, đó là bản tính của thi nhân.

Và đây, ta hãy nghe tâm tình cảm xúc của thi nhân đứng trước nỗi khổ cực cơ hàn của người dân quê được trải lên những dòng thơ rớm máu trong bài:

Người trâu

Trời xám thấp. Rặng tre già trút lá
 Dây ngô thôn hun hút gió chiều đông.
 Sương mù bay phơ phớt tỏa đầy đồng,
 Hơi lạnh cắn vào làn da cứng buốt
 Trong thửa ruộng chân dê trần ngập nước.
 Đôi bóng người đang chậm bước đi đi...
 Người đàn ông cúi rạp bước lẫm lẫm,
 Người vợ cố đẩy bừa theo sát gót.
 Họ là những nông phu nghèo bậc chót,
 Không có trâu nên người phải làm... trâu.
 Họ bừa ngẫm một thửa ruộng chiêm sâu.
 Nước đến bụng, ôi, rét càng thêm rét !
 Áo rách tướp, hở ra từng mảng thịt
 Tím bầm đen trong gió lạnh căm căm.

Hì hục làm, thỉnh thoảng lại dừng chân
 Véo và ném lên mặt đường từng vốc...
 — Nhắc trông ngơ là nằm bùn hay đất —
 Nhìn lại xem ! Ô, đồng đĩa đen sì !..

Ta rùng mình, quay mặt bước chân đi,
 Lòng tê tái một mối sầu u ám,
 Trời càng thấp. Tầng mây chì càng xám,
 Mưa phùn gieo âm đạm khắp đồng quê.
 Gió chiều nay sao lạnh buốt, lẽ thế ?

(Đơn thư, 1954)

thật là những vần thơ tả chân linh động nói lên một thực trạng đau thương thống khổ của kiếp người gần như không còn là con người nữa.

Nhưng đó chỉ là một cảnh thương tâm của đôi vợ chồng nghèo khổ mà thôi. Còn một cảnh tượng bi đát nhất trong lịch sử, đau đớn gấp trăm ngàn lần mà dân tộc Việt-nam ta phải gánh chịu: đó là nạn đói năm Ất-dậu. (1945)

Vận dụng giác quan đến cao độ, hòa hợp với con tim tựa hồ tan vỡ, lý trí không còn len lỏi trong địa hạt này; ở đây chỉ có thấy, nghe rung động một cách tế nhị, Bàng bá Lân đã ghi lại những hình ảnh đau thương của hàng loạt con người đang sờ soạng trước ngưỡng cửa Chết.

Sự cơ cực của cảnh nghèo, sự tan vỡ của tình yêu, sự chán nản của con người bất đắc chí, v.v.. nó không còn nghĩa lý gì trước cảnh Đói. Nó chỉ là sự đau đớn có ranh giới, nếu đem so sánh với những cảnh:

Khấp đường xa những xác đói rên nằm
 Trong nắng lửa, trong bụi lấm co quắp.
 Giữa đồng rẻ chỉ còn đôi hố mắt
 Động chút hồn sắp tắt của thầy ma.
 Những cánh tay gãy quờ quạng khua khoa
 Như muốn bắt những gì trong vô ảnh.

Dưới mớ tóc rối bù và kết bánh,
 Một làn da đen xạm bọc xương đầu
 Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu.
 Má hóp lại, răng hằn sâu gớm ghiếc.
 Già, trẻ, gái, trai không còn phân biệt,
 Họ giống nhau như là những thây ma,
 Như những bộ xương còn dính chút da,
 Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí!

hay :

Xác chồng chất lù lù như đồng rạc,
 Đó đây thò khô dết một bàn chân
 Hay cánh tay gãy tim ngắt teo răn
 Giơ chơi vơi như núm lùn không khí.

hoặc :

Họ ra đi, hy vọng có ngày về!
 Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hỡi người quê.
 Dân là gục khắp đầu đường xó chợ.

Có nghĩa gì đâu những cảnh khổ đau thường xuyên của nhân loại đã khóc và khóc mãi đã khiến đức Thích-Ca sánh nước mắt của chúng sinh như bề bề.

Ở đây (cảnh đói) trong tình trạng quá bi đát, những con người không còn kêu gào khóc lóc được nữa vì nước mắt họ đã khô, không đau đớn vì thân xác đã đói là tê dại. Đến đây chúng tôi nhớ lại cảnh rùn rợn của chiến tranh khi trái bom nguyên tử đầu tiên rơi trên đất Nhật. Một bác sĩ Nhật còn sống sót và chứng kiến, đã thuật: «... Một thứ ánh sáng kỳ lạ loé lên, tiếp theo là tiếng nổ, thành phố bỗng nhiên chìm vào cõi chết, một sự vắng lặng ghê rợn bao trùm, không một tiếng động. Tôi ngạc nhiên bỗng thấy một bóng người đi tới, xem lại mình mày dầm máu, da thịt nát bét, nhưng vẫn đi... »

Nhắc chuyện trên đề các bạn hình dung con người khi đã chịu đến tột cùng của đau đớn, thân xác trở nên tê dại, giác quan không còn bén nhạy nữa. Họ (những người sắp

chết vì đói) không còn đủ lệ đề trào tuôn, chỉ còn đủ chút hơi tàn:

Những thây đó cứ xiu dần, tắt thở,
 Nằm còng queo, mắt vẫn mở trừng trừng.
 Tròng con người còn đọng lệ rưng rưng,
 Miệng méo xệch như khóc còn đang dở.

Bằng một giọng thơ bi thảm, Bằng bá Lân ghi lại hình ảnh tang thương ấy trong suốt bài thơ gồm 100 câu mà khi đọc xong ta cảm thấy tâm hồn ta như bàng hoàng cơn ác mộng, cổ ta nghèn nghẹn như một niềm căm phẫn trào dâng.

Phần trình bày ở trên là một khía cạnh độc đáo nhất của nhà thơ họ Bằng — loại thơ đồng quê. Đến đây chúng tôi xin nói đến phần khác: thi ca tình yêu.

Về loại này, Bằng bá Lân không có nhiều, nếu không bảo đó chỉ là phụ thuộc trong đường lối sáng tác của tác giả *Tiếng vọng đưa*. Tuy nhiên trong số ít đó, Bằng bá Lân cũng tỏ ra có một giọng thơ « mượt » khi tỏ tình yêu nhưng là thứ tình yêu nhẹ nhàng của người Á-đông. Theo ông chủ trương, trong thi ca tình cảm, tình yêu là một trạng thái thuộc tâm linh của hai kẻ yêu nhau, nhưng không bao giờ vượt quá cái phong tục cổ truyền là « nam nữ thọ thọ bất thân », cái tình yêu được bảo vệ trong vòng luân lý, dù yêu thương tha thiết cũng không bộc lộ sở sàng, nó phải là thứ « tình trong như đã mặt ngoài còn e ».

Vì thế, những bài thơ tình của Bằng bá Lân thường rất đẹp và có tính cách nội tâm nhiều hơn. Như một chàng trai đi yêu một cô con gái nhưng không bao giờ dám nói thẳng, chỉ thốt những lời vu vơ:

Ta về ta nhớ đêm qua...

Nhớ ai, nhớ cả món quà Đồng-nai,

Món quà ai gửi cho ai,

Kèm theo thăm hỏi đôi lời thương thương.

và yêu thương « người ấy » nhiều đến nỗi:

*Yêu em, yêu cả con đường
Đưa ta về chốn ruộng vườn phì nhiêu :
Cần-thơ, Rạch-giá, Bạc-liêu...*

Rằng thương, rằng nhớ, rằng thương lạ lùng !

yêu nhưng không dám nói đề rồi cứ đặt câu hỏi thăm dò người yêu :

*Cô em má đỏ hồng hồng,
Buôn xuôi bán ngược, có chồng hay chưa ?
Xe dò ai đón ai đưa ?
Mà em đi sớm về trưa một mình !*

Đây, ta hãy nghe Bàng bá Lân tả lại một cảnh đi tìm nhà người yêu, nó vất vả làm sao :

*Nhà em ngõ hẻm hang cùng,
Lối đi ngóc ngách, sổ chồng lên nhau.
Tìm em vừa khó vừa lâu,
Sổ không thứ tự biết đâu mà lần !
Bà con cô bác bình-dân,
Phần nhiều lao-động đồng lăn như nhau.*
(Ngõ hẻm)

Thật là khó khăn, nhưng vì « yêu nhau tam tứ núi cũng trèo, thất bát sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua ».

Ngoài địa hạt tình cảm trữ tình, đôi lúc Bàng bá Lân có một giọng nói ồm ồm như Hồ Xuân-Hương :

*Rung rinh núm vú trên cành,
Mỗi năm mỗi vụ dâng tình thủy chung.
Em như cô gái yêu chồng,
Tình em như sữa trong lòng thơm tho.*
(Trái vú sữa)

Thật là chơi khăm, khi tác giả nói đến trái vú sữa mà lại nhân cách hóa là « em như cô gái yêu chồng », đề rồi « tình em như sữa trong lòng thơm tho » thì quả là Bàng bá Lân có một giọng thơ ác độc đối với bọn đàn ông vậy.

Sau khi Hiệp-định Genève phân chia đất nước, Bàng bá Lân di cư vào Nam. Cảnh lạ, quê xa, con người thơ tưởng đâu sẽ bờ ngõ, ngại ngùng, nào ngờ tâm hồn dân tộc của Bàng bá Lân bàng bạc khắp sông núi thân yêu này, cảm thông ngay tâm hồn hòa dịu và cởi mở của người miền Nam ; Bàng bá Lân trút nhẹ được mặc cảm lẻ loi, đã hứng thú sáng tác bài *Tôi yêu* để đánh dấu cái tình thâm thiết như đã gắn bó nhau từ muôn ngàn thế kỷ :

Tôi yêu

*Tôi yêu tiếng Việt miền Nam,
Yêu con sông rộng, yêu hàng dừa cao.
Yêu xe thô mộc xông xáo
Trên đường khúc khuỷu đi vào miền quê.
Tôi yêu đồng cỏ nắng se,
Nhà rơm trống trải, chiếc ghe đập dềnh.
Tôi yêu nắng lúa châu thành,
Trận mưa ngất ngùi gió lạnh hiu hiu.
Nơi đây tôi mến thương nhiều,
Miền Nam nước Việt mỹ miều làm sao !
Xa xôi hằng vẫn ước ao,
Vào thăm vựa lúa xem sao, hỡi mình !
Chừ đây tình đã gặp tình,
Tưởng như trong đại gia đình đâu xa.
Người xem tôi tựa người nhà.
Người kêu thân mật tôi là : Thấy Hai !*

*Đồng bào Nam-Việt ơi !
Tôi yêu cặp mắt làn môi thiết tha.
Nước non vẫn nước non nhà,
Bắc Nam xa mấy vẫn là anh em !*

(Sài-gòn, 1954)

Vì cảm tình ngay với quê hương thứ hai này, thi sĩ Bằng bá Lân liền hăng say bắt tay xây dựng lại cuộc đời đã hai lần di cư, một lần cháy nhà, chịu đựng gánh nặng gia đình trên mười miệng ăn, mọi việc đều trông cậy một thân người thi sĩ kiên cường ý chí. Như thế mới chứng minh sức mạnh của tình thương tái tạo được nguồn sinh lực mới đã khiến Bằng bá Lân yêu đời và ham sống.

Ở giai đoạn này, người thi nhân chúng ta xa vắng Nàng Thơ ; vì phải bảo tồn gia đình, lại thêm quá bận với thiên chức, một trách vụ thi nhân tự cho là cao đẹp, tận tụy trong việc đào tạo, trui luyện những tâm hồn trẻ cho thế hệ ngày mai. Ta hãy nghe thi nhân nhân nhủ :

Đôi lời tâm sự

(Riêng gửi các em học sinh những lớp
Đệ Tứ, Tam, Nhị các trường trung học
Cộng-hòa và Khai-trí, Sài-gòn.)

Ta đến trường đây với các em;
Nửa năm hơi tiếng đã vừa quen,
Ta yêu những mái đầu chăm chú
Cúi xuống bàn nghiêng mãi tập rèn.

Nhiều lúc ta cao giọng giảng hoài,
Không hề biết mệt, bốn giờ trôi.
Các em ngoan ngoan và chăm chỉ
Là ấy lòng ta thỏa mãn rồi.

Đôi lúc ta buồn bực chẳng vui,
Chỉ vì có kẻ mãi ham chơi,
Bài không nghe giảng còn hay chuyện !
Giận đấy, rồi ta lại mỉm cười...

Không hiểu ai bằng hiểu các em,
Nơi em, ta đặt hết niềm tin.
Các em là cả nguồn sinh lực
Thế hệ vươn mình đang chuyển lên:

Nhiệm vụ ta đâu có nhẹ nhàng ;
Đẫn em vào các nẻo văn chương.
Người yêu tiếng mẹ là yêu nước,
Tiếng mẹ hiền, ôi ! rất dịu dàng !

Lãng mạn tài hoa Chu mạnh Trinh ;
Xuân-Hương hóm hỉnh giọng đa tình.
Thanh-Quan chừng chạc, lời trang nhã ;
Yến-Đỗ gieo vần, ô rất xinh.

Ta cảm thông cùng đôi họ Cao ;
Ngũng nghênh Bá Quát giọng văn hào.
Xót thay Bá-Nhạ oan trùm đất,
Trời cũng buồn thương rõ lẽ sao !

Tú-Xương chót nhà thế mới vui ;
Mặn, chát, chua, cay đủ mọi mùi..
Công-Trứ hào hùng ai dễ sánh ;
Nguyễn-Du đệ nhất đại thi tài..

Bốn bức tường cao thế giới riêng !
Ta hằng lo sợ nhắc đừng quên ;
Học, nhưng phải tránh lân xe cũ,
Cái họa từ chương đã nhơn tiền !

Học biết rồi đây phải nghĩ hành,
Quốc gia đang đợi những đầu xanh,
Lớp người lành mạnh xây đời mới,
Và đẹp cho tan những bất bình !

(Thơ giảng 1957)

*

Nói chung, chúng ta phải công tâm nhận rằng Bằng bá Lân là thi sĩ có chân tài. Ông là người tiên phong của phái thơ đồng quê, một hướng đi dị biệt, một lối thơ ít người

làm theo và cũng ít người thành công trong lãnh vực này mà ông đã thành công quả là một điều quan trọng. Sự hiện diện của Bàng bá Lân trong nền văn học đất nước là một sự hữu ích. Thi phẩm của Bàng bá Lân có tác dụng mạnh trong nền giáo dục thiếu nhi. Tiếng thơ của Bàng bá Lân là những hồi chuông cảnh tỉnh những linh hồn đang sống bám víu vào nền văn minh cơ khí như nhắc nhở họ cái tình quê, cái nếp sống trung thực của một dân tộc.

« Em ơi ! Vui thú phồn hoa mãi,
Cố biết đồng quê đang nhớ mong, »

(Ấn bản kỷ niệm, tháng 8-1968)



Chi tuyến

Tịch tịch

Lửa hè đốt bụi tre vàng.
Tựa hè ru ngủ xóm làng say sưa.
Khóm chuối lá bơ phờ nghĩ ngợi,
Rặng cau gầy nghèn với trời cao.
Trong nhà, ngoài ngõ quanh lau,
Đâu thêm con Vện thiu thiu giấc ngủ.
Trong nhà lá tối tăm lặng lẽ,
Tiếng ngáy đều nhẹ nhẹ bay ra.
Vong đay chậm chạp khe đưa
Ru hai bà cháu say sưa một điệu dài...
Cháu bỗng thưa, rầy hoa khúc đối,
Tỉnh giấc mơ, bà vội hát lên :
« A ơi... » mây tiếng. Rồi im.
Nhện tường ôm trứng nằm yên mơ màng;
Ruồi bay thông thả nhẹ nhàng.
Muỗi vo ve khóc bên màn thiết tha.
Hơi thở nóng lượn qua khe liếp,
Lâm rừng mình mấy chiếc diêm sô.
Bụi năm lâu chán xà nhà
Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu...

*

Vườn cũ nào đâu, cô hái dâu ?

Mười hai năm trước tuổi còn thơ
— Nếp óc còn in dấu chửa mờ —
Tôi sống quãng đời êm đẹp quá
Trong làng nho nhỏ nghệ tâm tư.

Một làng xinh xắn dưới trung châu
 Lặng lẽ nằm yên giữa bãi dâu.
 Những buổi sớm chiều trong sóng lá,
 Tôi thường theo bạn đến bên cầu.

Bên cầu nhẹ hái lá dâu tơ
 Cùng bạn tôi là những gái thợ
 Xinh đẹp, vô tư như lũ bướm.
 Dắt tôi cười, nói, chạy, bông đùa...

Xa xôi nay trở lại thăm quê.
 Dâu cũ mờ rêu khác lối về.
 Mà lạ ! Nương dâu đâu mắt nhĩ ?
 Quanh làng xanh rợn bãi cỏ phê !

Thân thơ đứng lại bên đường,
 Trong gió chiều xa vắng tiếng chuông.
 Nhưng lạ ! Tiếng kìa sao chàng phải
 Tiếng từ bi em ai, du dương !

Thôn ơi ! Chính giữa chốn này đây
 Là chỗ ông cha đã đắp xây
 Một cảnh chùa chiền, di tích cũ,
 Ngàn năm đứng vững với trời mây.

Thế mà xa cách có bao lâu !
 Nào mái rêu dâu ? Cờ thụ dâu ?
 Còn lại trơ trơ bên giậu mới
 Gốc đa cằn cỗi, lẻ loi sầu !

Mất hết ! Không còn một dấu xưa !
 Nào dâu cô gái đẹp ngây thơ ?
 Nào dâu những tối trắng trong sáng
 Dệt vải bên sông ánh bạc lùa ?

— Hỡi cô yếm thắm hái dâu ơi !
 Người cũ này đây, sắc cũ phai !
 Tuổi trẻ đã qua, xuân đã hết,
 Người xưa thôi đã khác xưa rồi !

Còn nhớ năm xưa bóng xế dâu,
 Thi nhau ta hái lá bên cầu,
 Mà nay người vắng, cầu đâu mất ?
 Vườn cũ nào dâu, có hái đâu ?

*

Kiếp ve

Im lặng. Cánh đồng quê yên ngủ
 Giấc say sưa dưới ánh mặt trời chì.
 Trên vòm xanh mây uể oải không đi,
 Nắng lửa trút nặng nề như bạc chảy.
 Bỗng trong khóm lá xanh gần đấy,
 Tiếng ve kêu ran rì đưa ra
 Khi khoan thai, khi rộ cả như mưa
 Làm rung động khí trời lặng lẽ.
 Biền lúa xanh rợn lan sóng nhẹ,
 Nắng rung rinh theo giọng ve kêu,
 Gió thổi dài trong cành sấu đầy rêu,
 Cảnh thức giấc dưới bầu trời yên lặng
 Ve hút gió, ắn sương, uống nắng,
 Rồi thành thơ ngâm khúc trường ca.
 Dem sóng lòng ve tưới cho cỏ hoa,
 Cho lá bụi, lúa vàng, đất khô, nắng lửa...
 Rồi thu sang. Giọng nỉ non không còn nữa.
 Ve im hơi. Nhưng nào có ai hay !
 Gió vẫn thổi dài đuổi lá vàng bay...
 Mà trên cành, thân ve ! chỉ còn là cái xác !

Ngày nay dù ở nơi xa
Thăm quê, về đến cây đa đầu làng
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.

*

Tiếng mưa đêm

O le chant de la pluie !
Paul Verlaine !

Đêm sâu tịch mịch,
Ta rơi rả rích
Gieo buồn lang thang
Trên muôn đường làng
Gặp anh lữ khách vội vàng,
Ta nương vai áo xem chàng về đâu ?

Sa đồng sâu.
Rụng mái lâu,
Vại sành dơi nước chân cau,
Chị nào xấu số thì mau lặn vào !

Trên hàng rào,
Gió lay gào.
Chị em riu riu lánh vào bên song.
Cô kia ù dột cô phòng,
Nghe ta thồn thức trong lòng tầu tiêu.
Gió ngừng reo,
Cây buồn thiu.
Hàng tre lướt thướt tiêu điều,
Kìa đôi cò nọ ra chiều bắn khoăn.

Lấn tẩn
Qua sân,
Ta hỏi rêu rằng :
— Nơi rêu ở có lạnh lòng không rêu ?

Buồn như khêu
Cho cô gái đẹp ngừng thêu,
Bâng khuâng nghe nhóm tình yêu trong lòng.

Trong ao ta gợn muôn vòng
Cho con cá lượn mơ màng đón sóng.

Mái lâu ta buồn
Mành bạc.
Ta khua xào xạc
Lá rơi bên rèm.
Nhà khuya le lối ánh đèn,
Có ai nằm thức trong mếu nghe mưa ?

*

Ngủ trông về Bắc

Dừng bước nơi đây, lòng ngồn ngàng,
Ngủ trông về Bắc nhớ tre làng,
Nhớ cây đa cổ bên chùa vắng,
Nhớ mảnh ao bèo gió lạnh sang.

Nhớ giải đê cao lũ mực đồng
Trong chiều nắng nhạt bước thong dong.
Nhớ cô thôn nữ khăn to hó,
Môi thắm trầu thơm, má ửng hồng.

Nhớ tiếng xì xòm tát nước đêm,
 Tiếng chày giã gạo rất bình yên,
 Tiếng chim cu gáy trong trưa lặng,
 Tiếng vông trưa hè ru ngủ êm.

— * A ời! Em ngủ đi em!
 Mẹ còn đi chợ làng bên chưa về.
 Cha còn tát nước trong khe,
 Anh bữa, chị cấy ngoài kia...A ời!

Đồng quê Bắc Việt ơi!
 Người quê Bắc Việt ơi!
 Hôm nay trời trở rét rồi phải không?
 Hôm nay cơn gió giải đồng,
 Lay bông lúa sớm hương nồng thơm đưa.

Bây giờ, ôi! biết bao giờ
 Cho ta lại đứng trên bờ đê cao?
 Thả hồn lưu luyến xông xao
 Rung theo tiếng sáo diều cao lưng lờ!
 (Sài-gòn, cuối thu 1954)

*

Mùa gặt

Gà vừa gáy. Trời mai còn ẩm ướt
 Đường trong thôn rậm rạp bước chân đi.
 Tiếng gọi, thưa ăm ỏi động sương khuya,
 Tiếng sát gạo trên cầu ao sền sệt.
 Rồi lúa đỏ bắp bùng trong các bếp,
 Rồi tiếng mằm va bát động lạnh canh
 Tiếng cười đùa xen tiếng đùa và nhanh,
 Người vội vội. Trống tàn canh gấp gấp...

•

Trời tang tảng. Sương đào bay lớp lớp,
 Cánh đồng quê mờ ngợp khói sương mờ,
 Từ cổng làng từng bọn kéo nhau ra,
 Tiếng quang cặp, đòn càn va lách cách.
 Họ vui vẻ đi nhanh trên đường đất,
 Rồi tạt ngang, tản mát khắp đồng quê.
 Họ dừng chân bên ruộng ướt sương khuya
 Lúa rạp rạp ngả theo chiều gió thổi.
 Thợ đàn ông xắn quần lên quá gối,
 Thợ đàn bà cao vác xẻch hai bên
 Đều lộ ra những cặp bắp chân đen,
 Rồi kẻ hái người liềm xô xuống ruộng.
 Lúa thức giấc xạc xào trong hỗn độn,
 Lúa run run lia cuống ngả trên tay...
 Lũ cào cào, châu chấu sợ tung bay,
 Nhưng chớp mắt lại nặng nề rơi xuống.
 Liềm hái gặt. Lúa thi nhau lia cuống,
 Nằm ngổn ngang trên ruộng hời màu đen.
 Phía trời đông quạt lửa rộng xoè lên,
 Cánh đồng bỗng rực tươi màu đỏ ối.
 Sương mỏng mỏng nhẹ tan như làn khói
 Lúa thơm thơm, rơm mới cũng thơm thơm.
 Không khí thơm tho, gió chạy rập rờn,
 Làm gợn gợn sóng vàng trên biển lúa.
 Thửa ruộng kia, tiếng ai vừa hát đó.
 Giọng thanh thanh theo gió vắng đưa xa.
 Rồi đồng quê vang rộn tiếng dân ca,
 Tình thắm thiết ngụ trong lời thắm thiết.
 Miệng cứ hát, tay cứ làm mãi miết,
 Làm say mê như quý tiếc thời gian.
 Họ như quên không thấy nắng hanh vàng
 Dẫn gay gắt rêu ròn trên nón lá,

Và người họ mở hời ra tầm tã
Dán lưng vào manh áo bạc màu nâu...

Mặt trời lên...lên chót vót từ lâu,
Bóng đa đã thu tròn như chiếc tán.
Thợ dừng tay, lên bờ ăn bữa sáng.
Cơm muối vừng sần sật thế mà ngon,
Vài quả cà, dưa muối với tương om,
Nước vối loãng chuyền tay... là hết bữa !
Thợ đàn ông thôi mỗi rơm lấy lửa.
Về thuốc lão, rít điếu, rít vài hơi,
Thở khói phào cuộn cuộn tựa mây trôi,
Về khoan khoái trong tiếng cười dễ dãi.
Thợ đàn bà cũng thông dong mở giải
Yếm, lấy ra vôi vò với trầu cau,
Rồi cười cười nói nói thết mời nhau,
Quét trầu thắm tô vành môi cắn chĩ.
Trầu thuốc đoạn, sau nửa giờ tạm nghỉ,
Lại hò nhau hời hả xuống đồng trưa.
Kẻ cắt hoài, kẻ lượm... rất say sưa.
Không nhọc mệt — (ngày mùa ai cũng khoẻ !)
Lúa đã lượm, họ kê vai rất nhẹ,
Gánh xăm xăm về phía cổng làng xa
Trên đường quê lữ bảy, lữ năm ba,
Gánh gánh mãi, về, ra, coi tấp nập.
Chiều cang xuống, người đi cang hấp tấp
Như đàn cò gấp gấp ruồi theo mây,
Gió lạnh lưng, xương bột rắc rây rây,
Chùa đầu đó rõ hời chuông lạnh lạnh.

Đồng quê xám mênh mông và vắng lạnh,
Nhưng khắp làng rộn rịp hội hoa đăng.
Tất cả đèn to nhỏ cháy đặng đặng
Không soi sáng đủ hết sân gạch rộng.
Từng cầu lúa dài cao nằm song song
Đợi thợ về chắt đồng xếp từng ôm...
Rồi nẻo tre kẹp chặt lấy thân đòn,
Lay đang thẳng đập rộn trên cối đá.
Ồi sung sướng ! Mưa ra vàng ! Mưa lúa !
Mưa rào rào. Giọt thóc nặng nề rơi,
Thóc mọng thơm căng sữa ngọt nuôi người.
Nét hoan hỉ trên miệng cười đen nhánh.
Tiếng đập lúa rộn vang trong gió lạnh,
Chen tiếng cười, giọng hát lạnh ngân ngân,
Đem tình xa se lại với duyên gần...
Trăng nhòn nhòn cười thầm trên ngọn trúc.
Ồi vui thú là những giờ hót thóc :
Kẻ trang, cào ; kẻ xúc, quét lia lia.
Vai chen vai, người nọ vương người kia,
Tiếng mắng khê xen tiếng cười khúc khích...

Rơm lên đồng. Thóc đã nằm trong bịch,
Đợi nhân nha ngày nắng sẽ đem phơi.
Thợ dừng tay, rũ bụi phấn trên người,
Đoạn rửa ráy, rồi vào ăn bữa tối.
Dưới ánh lửa đèn ba dây đỏ ối,
Họ lại cười, lại nói, lại bông lơn...
Bóng cau gầy đã ngả suốt sân rơm,
Họ mới chịu xoa chân, vào ô rạ.
Thôn xóm lặng, thiu thiu trong bóng lá,
Trăng phương đui uể oải cũng lim dim.

Sương rơi rơi, nhạc dễ lắng chìm chìm,
Chó từng lúc nghe nhìn trắng sữa rống...

*

Ta về đây suốt một ngày vui sống
Cùng người quê mài miết với thành công.
Suối mả hôi năm tháng chảy trên đồng
Đúc thành sữa nơi đầu bông nắng trĩu.
Đồng quê ơi! Hỡi Nông-phu! Người chịu
Bao dài dầu mưa nắng để nuôi ta
— Nuôi giống nòi, không một tiếng kêu ca
Sống tấm tối như tre già nấp bụi.
Ta tha thiết cầu mong sao gần gũi
Mãi Người Quê, nơi làng mạc thân yêu,
Mà hôm nay ta cảm mến thương nhiều!

(Bác-Việt một mùa gặt thanh bình)

*

Tiếng võng đưa

Nắng lửa rung rinh,
Xóm tre lặng lẽ.
Tiếng võng nhà ai ru trẻ
Nặng nề chậm chạp đong đưa...
Nặng nề chậm chạp đong đưa...
Cót ca cốt kết nhịp thơ muôn đời.
Bồng bồng bông... A ời ời...
Cót ca cốt kết muôn đời nhịp thơ.

Ta say sưa
Nghe tiếng võng đưa
Ru hồn mơ

Trong lời thơ

Dân tộc.

Mơ màng lắng nghe tiếng khóc
Của thời măng sữa xa xôi.

A ời ời...

A ời ời...

Cót ca cốt kết
Muôn đời

Nhịp thơ...

Tiếng võng đưa

Cót ca cốt kết...

Trưa hè nắng khét

Bà ru cháu say sưa...

Tiếng võng đưa

Cót ca cốt kết

Mẹ đi biển biệt

Chị ru em ời ời...

Tiếng võng đưa

Cót ca cốt kết

Đêm dài mưa rét

Mẹ ru con mơ màng...

Dân tộc Việt-nam

Lớn trong tiếng võng.

Dân tộc Việt-nam

Già trong lời ru.

Êm đềm thay tiếng võng đưa.

Nhịp thơ

Dân tộc.

Mơ màng, ta nghe tiếng khóc
Của thời mặng sửa xa xôi.

A ơi ơi...

A ời ời...

Cót ca cốt kết

Muôn đời

Nhịp thơ.

Và đây những vần thơ

Nhịp theo tiếng võng đong đưa.

Nhịp theo lời ru êm ái.

Tình quê hương vời vợi,

Hồn dân tộc mang mang...

Bao giờ nổi lại giang san

Mà nghe tiếng võng mơ màng đó đây.

(Tháng sáu 1957)

*

Dặn dò

Một đàn con dại,

Nửa mái lều tranh.

Mưa lùa ướt giặt,

Mồn mõi ngày xanh.

Cha già, mẹ yếu,

Trú cư đầu đình.

Nhìn nhau là mếu...

Trời ơi! Chiến-tranh!

Bao nhiêu nhà cửa

Bỗng chốc tan tành.

Bao nhiêu tiền của

Làm giàu lưu manh.

Trông chừng mẹt bún nổi canh,

Đôi bàn tay vợ mưu sinh lẫn hồi!

Bàn tay mềm yếu em ơi!...

Quần quanh ra đứng vào ngồi,

Lòng u ám tựa một trời mưa ngâu!

Còn gì đâu!

Ôi, sâu rụng rức,

Có gì tấm tức,

Có gì hậm hực,

Làm đau lồng ngực,

Làm nhức làn da?

Buông rơi tờ báo nhìn xa,

Giận ta mà lại thương ta, ôi buồn!...

Bên lòng ba bốn tình thương:

Thương nhà, thương nước và thương đồng bào.

Thương cơ hội lỡ làm sao!

Lòng son ập ủ biết bao nhiêu buồn!

Buồn đã lên men,

Ta điên, ta cuồng.

Ta không thể sống nhìn xuống.

Đời ta tàn tạ, nước non rã rời!

Nhủ em, em hãy chịu lời,

Mẹ già con dại, anh thời cậy em.

Ra đi, anh quyết một phen.

Vẫy vùng ngang dọc, ngã nghiêng với đời...

Em đừng khóc nữa, em ơi!

Nước rồi rạn vỡ, ta rồi gặp nhau.

(Những ngày tản cư; năm 1951)

*

Tình trong mưa

Chiều ấy, mưa rào ở xóm Đông,
Cho người ủ dột đứng bên sông,
Xa nhìn đắm đuối tìm trong gió...
Chỉ thấy màn mưa trắng ngập đồng.

Ai biết mưa rơi nói những gì ?
Lá buồn gieo lệ khóc lâm ly.
Lòng băng khuâng quá, xôn xao nhớ
Cả một tình yêu buổi ấu thì,

Buổi một nàng qua dưới mái hiên,
Đường mưa in nuốt gót chân tiên.
Ta nhìn theo bước đi ren rén.
Bỗng cả lòng yêu náo nức liền !

Từ ấy trên đường loang loáng mưa.
Tìm hoài đâu thấy gót chân xưa !
Đường mưa bao gót chân mưa bước,
Gọi mãi tình yêu buổi đại khờ !

(1942)

*

Đêm ở làng

Chùa xa chuông khóc ngày tàn,
Chiều như muôn giải lụa vàng thướt tha.
Lưng trâu mục từ vang ca,
Lời thơ tự mấy đời qua lưu truyền.

•

Vừa nghe tắt giong êm đêm,
Ngọn tre treo mảnh trăng liềm mới lên.

Mấy cô hàng xén về đêm
Dưới cây đòn gánh cong mềm bước mau.

•

Làng tre cồng kín từ lâu,
Trong sương chó sữa bớt mau. Im dần...
Trời khuya trắng thức tàn ngần,
Lòng tơ bạc gói cũng gần như trắng !

(1940)

*

Bồn mùa mưa

Ta yêu mưa xuân
Phơi phới gieo trên vườn mận nở,
Trên cát hoa đào nức nở,
Trên áo quần diêm dúa hội mừng xuân.
Mưa rơi rơi...
Cho cảnh xuân căng nhựa,
Cho má em tươi hồng.

•

Ta yêu mưa hè
Ào ào như thác đổ.
Lá tre rơi đầy ngõ.
Nước đồng dâng trắng xóa mênh mông.
Cây xanh màu mới.
Người vui giải nông.

•

Ta yêu mưa thu,
Mưa dăng sầu ly biệt,

*Mưa nhắc mãi mối hận tình bất diệt
Của chàng Ngưu ở Chức bên sông Ngân.*

*Ta yêu mưa đông,
Mưa phùn êm lặng.
Mưa xóa mờ rặng cây trên đường vắng,
Mưa đem trời nắng nặng xuống gần ta.*

*Ta yêu mưa bốn mùa,
Nghe nhạc từng cơn rì,
Giun khóc chân tường, dế than dưới cỏ,
Nhạc sầu dâng buồn bã suốt năm canh.
Ta thích, đêm mưa, nằm sát cửa sau màn
Nghe gió rít từng hồi qua kẽ hở,
Nghe giọt đập tâu tiêu, mưa nước nở...
Nghe hồn mưa than thở với hồn ta!
Ta yêu mưa bốn mùa,
Vì lòng ta gió mưa chẳng ngớt!
Ta muốn đêm dài mưa không ngưng hạt,
Cứ mưa hoài, mưa mãi... Mưa, mưa, mưa...
(Sài-gòn, 5-1957)*

*

Mưa sông

*Gió bỗng thổi ào, mây thấp tối,
Buồm căng muốn rách, nước trôi nhanh,
Trên đường cát bụi vùng theo gió,
Nón mới cô kia lật nửa vành.*

*Ếch gọi nhau hoài tự mấy ao,
Trên bờ cây hoảng hốt lao xao.*

*Đò ngang vội vã chèo vô bến,
Lớp lớp tràn sông đợt sóng rào.*

*Buồm rơi, trơ lại cột tre gãy,
Loang loáng chân trời chớp xé mây.
Chim lẻ vội vàng bay nhón nhác,
Mưa gieo nặng hạt xuống sông đầy.*

(1942)

*

Lạc loài

*Kiếp trước chừng ta là cánh bướm ?
Bốn mùa thì đẹp với muôn hoa.
Lượn lờ qua lại trong hơi gió,
Đôi cánh phiêu linh chẳng có nhà !*

*Kiếp trước chừng ta là cánh hoa ?
Đêm đêm rỏ lệ dưới trăng ngà
Nàng trắng buồn nhớ ai trên đó ?
Hoa nhớ tình yêu một bướm qua.*

*Hoa bướm muôn đời ai cũng yêu,
Nhưng ai có biết những ban chiều
Hoa thường đắm lệ buồn như khóc,
Bướm ngủ nơi nào đêm hiu hiu ?*

*Trong lối phàm thai hồn vẫn vương
Mong manh, xa lạ nhớ ngàn phương.
Tương tư không chỉ, sao mà rối ?
Sống lạc trên đời ôm nhớ thương !*

(1941)

*

Mơ về Hà-nội

Cảnh đã xưa rồi, tình chưa xưa,
 Nặng niu chuốt lại chút danh thừa.
 Bao giờ đến hội tao phùng nhĩ?
 Xem nước hồ soi bóng liễu mơ.

Liều có gầy chăng? Tóc có thưa?
 Chao ôi! Lòng nặng mãi thương hờ!
 Kiều nhà xưa đã thay hình mới,
 Hay vẫn còn nguyên dáng cũ xưa?

Nghiên đá đến Sơn có sẵn rêu?
 Kinh thiên bút nọ đã lên meo?
 Muốn vẽ nâng bút đàm nghiên đá
 Pha nước hồ Gươm viết thật nhiều.

Giấy lụa: Trời xanh trải phẳng ra,
 Bao nhiêu tứ đẹp đợi chờ ta.
 Phen này thơ múa trên Hà-nội
 Vang rộn kinh kỳ khúc lạc ca.

(Việt Bắc 14.3-51)

*

Xóm chợ chiều đông

Gió lạnh ủa vô chợ vắng teo.
 Dãy liễu rách rưới đứng tiêu điều
 Mái gà đất chuối còn nghe ngóng,
 Vàng cọt tre rêu ngả bóng chiều.

Nắng tắt, sương mờ ôm ngọn cây,
 Co ro góc quán mụ ăn mày

Buồn trông vội vã người phu chợ
 Vung chổi lia dài nhả bụi bay.

Khói bếp vươn mình nhẹ nhẹ lên...
 Nhà nhà quanh chợ đã loe đèn.
 Lá bàng trong gió rơi từng loạt,
 Ech nhái xa gần mở nhạc đêm.

(Mùa đông 1946)

*

Vườn dứa

Vườn dứa có trái dứa xinh,
 Có cô con gái hiền lành dễ thương,
 Có nhiều gió dịu vương vương,
 Xanh xanh bóng lá, rờn rờn tình quê.

Có ai vẽ miệt Bến-tre
 Hỏi thăm nàng ấy vườn kia vài lời.
 Vườn em gây tự bao đời
 Mà cao bóng rợp che trời trong xanh.
 Dứa bao nhiêu gốc, cô mình?
 Cây bao nhiêu đọt? Trái lành bao nhiêu?
 Hạnh vẽ cỏ rạc nắng thiêu,

Vườn dứa xanh mướt, hiu hiu gió cười.
 Êm êm luôn ngõ chiều rơi,
 Đường thôn bóng dờ, rạch ngòi quanh co.
 Nước dứa mát rượi thơm tho,
 Cùi dứa dịu ngọt... kể cho người mời.
 Ở đây quên cả nắng lười,
 Quên tình tráo trở, quên đời bạc đen.

Ở đây dừa mọc liền chen
 Đầy muôn bóng rợp đầu hiên cuối hè.
 Chân thành một tấm tình quê
 Sớm chiều đón dãi đi về đón đưa...

•

Xa xôi nhớ mãi vườn dừa,
 Thương về nàng ấy bấy giờ thương ai ?
 (Miền Nam, tháng sáu 1954)

★

Giếng làng

Hẹn nhau bên bờ giếng,
 Chờ nhau lúc rạng trăng,
 Nàng vẫn về giải yếm.
 Chàng sửa nắn vành khăn.

Dưới trăng nàng bối rối,
 Dưới trăng chàng bắn khoăn,
 Nhìn nhau mà chẳng nói,
 Bốn mắt đọng trăng rằm...

Hẹn nhau bên bờ giếng,
 Chờ nhau lúc rạng trăng.
 Trăng đến, nàng không đến,
 Chàng lo buồn dãi dẫm...

Nàng đã đi làng khác,
 Theo một người khăn đen,
 Không còn nghe giọng hát,
 Bên đình lúc nguyệt lên.

Ai cúi mình trên giếng ?
 Ai thả gầu múc trăng ?
 Ai cười yêu nửa miệng ?
 Tan rồi mộng gối chăn !

Không hẹn bên bờ giếng,
 Không chờ lúc rạng trăng,
 Đêm đêm chàng vẫn đến
 Bên giếng khóc âm thầm...

Đêm nay chàng lại đến
 Bên giếng khóc âm thầm,
 Bỗng gặp bên bờ giếng
 Đôi bóng người dưới trăng :

Nàng cũng về giải yếm
 Chàng cũng nắn vành khăn.
 Cũng nhìn nhau âu vểm,
 Bốn mắt đọng trăng rằm.

Giếng trăng, nơi hò hẹn,
 Giếng trăng, nơi hẹn hò,
 Từ xa xưa đến bây giờ
 Giếng làng ghi dấu bao trò hợp tan !

(1942)

★

Trở lại đồng quê

Hôm nay về trại gió hiu hiu,
 Nhìn lớp mây qua nhuộm máu chiều,
 Nhớ lại lược xưa màu đỏ thắm
 Cài trong tóc lụa xoa liu diu.

Nhớ lại năm xưa còn ở quê,
 Chiều bên đường cỏ dại, trâu về:
 Em nhìn chim vút lên trời thẳm
 Anh lắng điệu than trong tiếng tre.

Năm năm vội vã thoáng đi nhanh,
 Em nhãng quên quê luyến thị thành.
 Lược đi không cài trên tóc búi,
 Cô đường chẳng vướng gót chân xinh.

Em biếng về quê, cây nhớ nhung,
 Lúa đồng rướn ngon đứng như mong
 Đất đường luyến tiếc hàn chân ngọc,
 Cô rạc ven bờ mãi ngóng trông.

Lòng rồi như là cỏ rồi bông,
 Tương tư! Trại vắng rộng hơn đồng.
 Em ơi! vui thú phồn hoa mãi,
 Có biết đồng quê đang nhớ mong?

(1942)

*

Đói.

Vũ vũ thủy gia tử
 Y phá, lạc bát hoàn,
 Thúc tông nam phục hưng lại
 Hướng ngã tiền đầu than...
 Cao-Bá-Quát
 (Đạo phùng nga phụ)

Năm Ất-dậu tháng ba, còn nhớ mãi
 Giống Lạc-Hồng cực trái lấm đau thương!
 Những thầy ma thất thểu đầy đường,
 Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói!

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
 Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Khắp đường xa những xác đói rên nằm
 Trong nắng lửa, trong bụi lấm co quắp
 Giữa đồng rẻ chỉ còn đôi hố mắt
 Động chút hồn sắp tắt của thầy ma;
 Những cánh tay gầy quờ quạng khoa
 Như muốn bắt những gì vô ảnh.
 Dưới mở tóc rối bù và kết bánh,
 Một làn da đen xám bọc xương đau.
 Răng nhe ra như những chiếc đầu lâu,
 Máu hóp lại, răng hàn sâu gớm ghiếc.
 Già, trẻ, gái, trai, không còn phân biệt,
 Họ giống nhau như là những thầy ma,
 Như những bộ xương còn dính chút da,
 Chưa chết đã bốc xa mùi tử khí!
 Mùi nhạt nhẽo, nặng nề, kỳ dị.
 Một mùi tanh lộn mửa thoảng mà kinh.
 (Mùi tanh hôi ám ảnh mãi bên mình
 Khiến cả tháng ăn không còn ngon bữa!)
 Những thầy đó cứ xiu dân, tắt thở,
 Năm ròng queo, mắt vẫn mở trừng trừng.
 Trông con người còn động lệ rưng rưng,
 Miệng méo xệch như khóc còn đang chờ.
 Có thầy chết ba hôm còn nằm đó,
 Ruồi tằm phượng bầu lại khúc vo vo...
 Rồi ven đường đói nhất cuộc hưng hờ
 Đắp đấm vội những năm mồ nông đói!

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
 Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

Rải ven đường những nắm mỡ âm thầm
 Được đánh dấu bằng ruồi xanh cổ tốt.
 Có nắm mỡ quá nặng, trơ hài cốt.
 Mùi hôi tanh nồng nặc khắp không gian.
 Sau vài trận mưa nước xối chan chan.
 Ôi, thịt rửa xương tàn phơi rải rắc !

Tại Hà-nội cũng như bao tỉnh khác,
 Những thân ma ngày lết đến càng đông,
 Dem ruồi theo cùng hơi hớm tanh nồng,
 Rồi ngã gục khắp đầu đường cuối ngõ.
 Thường sớm sớm cửa mỗi nhà hé ngò
 Rút rề xem có xác chết nào chăng !
 Từng chiếc xe bò bánh rít khô khan
 Mỏi sáng dạo khắp nền đường nhứt xác
 Xác chồng chất lù lù như đồng rạc,
 Dò dẫm thò khò dẹt một bàn chân
 Hay cánh tay gầy tím ngất teo răn,
 Giơ chơi vơi như niu lòn không khí
 Như cầu cứu, như vẫy người chú ý...
 Có hơi thở tàn thoi thóp chưa thôi,
 Có tiếng cựa mình, tiếng nấc... Nhưng tròng người
 Nhìn đắm lệ người chôn người chưa chết !
 Bốn ngoại ô mở ra từng dãy huyết
 Được lấp đầy bằng xác chết... thương xuyên.
 Ruồi như mây bay rợp cả một miền...
 Chết ! Chết ! Chết ! Hai triệu người đã chết !

Họ là những người quê non nước Việt,
 Sống cần lao bên ruộng lúa, đồng khoai.

Lúa xanh rờn nhờ họ đổ mồ hôi,
 Nước Việt sống vì mồ hôi họ đổ.
 Năm ấy, thuở Nhật Tây cùng đô hộ,
 Chúng thi nhau cướp lúa của dân ta.
 Hết lúa rồi, hết sạch cả khoai ngô,
 Hết củ chuối, hết nhãn khô cả sẵn !
 Ngày giáp hạt, không còn chỉ gặm nhấm,
 Đói cháy lòng, đành nhá cả mớ cau,
 Nhai cả bèo và nuốt cả khô dầu !
 Đói ! Đói ! Đói ! Người nhao lên vì đói !

Đời tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
 Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.
 Tam biệt quê hương, lê gót âm thầm
 Trên rải rác mọi nẻo đường đất nước.
 Từng gia đình dắt diu nhau lê bước
 Đi lang thang mong sống tạm qua ngày.
 Đợi lúa lên hương, bông trĩu đầu cây,
 Hơn tháng nữa sẽ hồi cư, sẽ sống !
 Nhưng đau đớn, hơi ới là ảo mộng !
 Họ ra đi hy vọng có ngày về !
 Nhưng chẳng bao giờ về nữa, hỡi người quê !
 Dân là gục khắp đầu đường xó chợ !

Cùng lúc ấy, cũng trên đường rộn rã,
 Từng đoàn xe chuyên chở thóc vàng tươi.
 Thóc của dân đen, thóc của những người
 Đang chết đói vì thực dân cướp thóc !
 Thóc chúng cướp phần vùng xài huy hoắc,
 Phần chúng đem về mục nát trong kho !
 Ôi, đau thương, chưa từng thấy bao giờ...
 Trong lịch sử chưa bao giờ từng có !

Hai triệu người, vì thực dân, là bỏ
 Nước thân yêu, oan uổng chết đau thương,
 Trong lúc đây đồng bát ngát, ở quê hương
 Lúa mơn mơn đang ra đồng trở trái.
 Lúa trầu hạt vàng tươi say gập bội,
 Ngọt ngào thơm báo hiệu ấm no vui.
 Nhưng người đi không về nữa, than ôi!
 Lúa chín gục chẳng còn ai gặt hái!..

Ta nhớ mãi cái thời kỳ đen tối!
 Quên làm sao tội lỗi kẻ xâm lăng!
 Quên làm sao mối thù hận khôn cùng!
 Quên sao được hai triệu người chết đời!
 Năm Ất-đậu tháng ba, còn nhớ mãi
 Giống Lạc-Hồng cực trái lăm đau thương!
 Nhưng thấy ma thất thểu đầy đường,
 Rồi ngã gục không đứng lên vì... đói!

Đói tự Bắc-giang đói về Hà-nội,
 Đói ở Thái-bình đói tới Gia-lâm.

(Tháng năm 1957)

